

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2023.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Đào;
- Ông Phạm Ngô Phúc Nguyên;

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Võ Công Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:***

Anh và chị N tự nguyện chung sống với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống về kinh tế, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 03 con chung:

+ Nguyễn Thái H, sinh ngày 01-10-2010;

- + Nguyễn Minh H1, sinh ngày 20-4-2017;
- + Nguyễn Ngọc Như H2, sinh ngày 13-3-2018.

Con chung Nguyễn Thái H, sinh ngày 01-10-2010 có nguyện vọng chung sống với chị N thì anh đồng ý theo nguyện vọng con, anh yêu cầu nuôi Nguyễn Minh H1, sinh ngày 20-4-2017; Nguyễn Ngọc Như H2, sinh ngày 13-3-2018; không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:*

Chị xác nhận về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như anh T trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn như anh T trình bày nhưng cuộc sống vợ chồng cũng có lúc vui, lúc buồn, chị thấy mâu thuẫn không lớn, do anh T có người phụ nữ khác nên anh về yêu cầu ly hôn với chị. Chị vẫn chung sống tại nhà anh T để chăm lo cho mẹ chồng bị tai biến và các con của chị và anh T. Chị còn thương chồng. Mẹ bệnh, các con còn nhỏ nên chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm lo cho mẹ và các con nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu Tòa có cho ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi các con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.*

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

2. Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Về Hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T đối với chị Nguyễn Thị Thanh N.

Về con chung: Do yêu cầu ly hôn của anh T không chấp nhận nên vấn đề về con chung không đặt ra giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tú, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe đương sự trình bày và hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Văn T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh N. Chị N có địa chỉ đang cư trú tại: ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh N qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh vào ngày 08 tháng 4 năm 2009. Hôn nhân giữa anh T và chị N1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Anh Tú trình bày: Anh và chị N chung sống không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên anh và chị N đã ly thân từ 2019 cho đến nay. Chị N trình bày: Chị xác nhận về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, về con chung như anh T trình bày là đúng. Chị không đồng ý ly hôn với anh T vì chị còn thương anh T, thương mẹ chồng và các con của chị còn quá nhỏ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh T1 là con trai út nên vợ chồng anh T1, chị N chung sống với bà Nguyễn Thị T2 là mẹ ruột của anh T1 tại nhà của bà T2, hiện anh T1 đi đi về về nhưng chị N vẫn sống tại nhà anh T1 để chăm lo cho mẹ chồng cùng với các con. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27-6-2023, bà Nguyễn Thị T2 là mẹ ruột của anh T1 cũng xác nhận vợ chồng anh T1 chị N sống hạnh phúc, sống hoà thuận, chưa bao giờ gây gổ, cãi vã nhau. Khoảng năm 2020, con dâu bà là chị N phát hiện T1 quan hệ với người phụ nữ khác, sau đó T1 bỏ bê nhà cửa, vợ con và ly hôn với chị N, tại phiên toà anh T1 cũng xác nhận năm 2019, anh T1 có quan hệ với người phụ nữ khác. Hội đồng xét xử thấy rằng, lý do anh T1 xin ly hôn với chị N là do anh T1 có người phụ nữ khác, anh T1, chị N sống ly thân nhưng chị N vẫn sống tại nhà của anh T1, chị N chăm sóc mẹ anh T1 bị bệnh tai biến, chăm sóc cho các con của anh T1. Tại phiên toà chị N vẫn xác định còn thương anh T1, không đồng ý ly hôn. Mặt khác, các con của anh T1, chị N còn quá nhỏ, mẹ bệnh không ai chăm sóc nên Hội đồng xét xử xét thấy cần cho anh T1, chị N cơ hội hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ chăm sóc mẹ già cùng các con nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T1.

[3] Về con chung: Do yêu cầu ly hôn của anh T1 không được chấp nhận nên vấn đề về con chung Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tú, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Tú phải chịu 300.000 đồng theo Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T đối với chị Nguyễn Thị Thanh N.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tú, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013263 ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Dương Minh Châu;
- Chi cục THADS H. Dương Minh Châu;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Cầu Khởi;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)
Phan Thị Mai Dung**

